

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH PHÚ THỌ Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 16/2023/NQ-HĐND

Phú Thọ, ngày 12 tháng 12 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ BẢY

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức Vốn đầu tư công nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 18/2023/QĐ-TTg ngày 01 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều của Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về quy

định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Xét Tờ trình số 4702/TTr-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ về việc sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 1 và một số nội dung Phụ lục tiêu chí, định mức và phương pháp phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ ban hành kèm theo Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ; Báo cáo thẩm tra số 78/BC-DT ngày 01 tháng 12 năm 2023 của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 1 và một số nội dung Phụ lục tiêu chí, định mức và phương pháp phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ ban hành kèm theo Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 1 như sau:

“5. Tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình

Ngân sách địa phương (tỉnh, huyện, xã) bố trí đối ứng tối thiểu 10% tổng vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ, trong đó:

a) Vốn đầu tư phát triển: Ngân sách tỉnh bố trí đối ứng tối thiểu 10% vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương hỗ trợ;

b) Vốn sự nghiệp: Ngân sách cấp tỉnh, huyện, xã đối ứng tối thiểu 10% vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương hỗ trợ”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2.2, tiêu dự án 2, dự án 3 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, như sau:

“2.2. Vốn sự nghiệp

a) Phân bổ vốn:

- Tối đa 20% vốn cho các sở, ban, ngành;

- Tối thiểu 80% vốn cho cấp huyện theo tiêu chí, hệ số phân bổ tại mục b”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Dự án 4 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, như sau:

“1. Vốn đầu tư:

a. Phân bổ vốn đầu tư: Phân bổ 100% vốn cho cấp huyện triển khai thực hiện, trong đó:

- Phân bổ tối đa 50% tổng số vốn ngân sách trung ương và 100% vốn đối ứng ngân sách cấp tỉnh cho các công trình cứng hóa đường đến trung tâm xã, đường liên xã, đường giao thông nông thôn; công trình cầu giao thông kết nối các xã khu vực III, thôn ĐBKK cho các dự án để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của tỉnh giai đoạn 2021-2025 bao gồm các dự án đề xuất với Trung ương trong quá trình lập báo cáo khả thi Chương trình và danh mục chuẩn bị đầu tư, xác định trong nhu cầu kế hoạch đầu tư giai đoạn 2021-2025 thuộc đối tượng đầu tư của chương trình. Căn cứ kế hoạch vốn trung hạn và hàng năm Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ chi tiết.

- Số vốn còn lại thực hiện nội dung đầu tư cơ sở hạ tầng theo tiêu chí, hệ số phân bổ tại mục b”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 4.2 tiểu dự án 4, dự án 5 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp, như sau:

“4.2. Vốn sự nghiệp:

a. Phân bổ vốn:

- Tối đa 50% vốn cho các sở, ban, ngành;

- Tối thiểu 50% vốn cho cấp huyện theo tiêu chí, hệ số phân bổ tại mục b”.

b. Tiêu chí, hệ số phân bổ

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng điểm
1	Mỗi xã ĐBKK (xã khu vực III), xã CT 229 thuộc khu vực II, I (<i>xã chưa được cấp có thẩm quyền công nhận đạt chuẩn NTM, hoàn thành mục tiêu CT 135</i>)	15	a	15 x a
2	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã khu vực III (<i>số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 04 thôn/xã</i>)	1,5	b	1,5 x b

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 1.2 tiểu dự án 1, dự án 10 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò

của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, như sau:

“1.2. Vốn sự nghiệp: Căn cứ nguồn vốn ngân sách trung ương và kế hoạch triển khai nhiệm vụ hàng năm, giao Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định phân bổ theo quy định”.

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 3.2 tiểu dự án 3, dự án 10 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình, như sau:

“3.2. Vốn sự nghiệp: Căn cứ nguồn vốn ngân sách trung ương và kế hoạch triển khai nhiệm vụ hàng năm, giao Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định phân bổ theo quy định”.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo đúng các quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ Khóa XIX, Kỳ họp thứ Bảy thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 18 tháng 12 năm 2023. /.

Nơi nhận :

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- VPQH, VPCP;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Vụ pháp chế (Bộ KH&ĐT; Bộ Tài chính);
- Công TTĐT Chính phủ;
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- TAND, VKSND, Cục THADS tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- TTHĐND, UBND huyện, thành, thị;
- CVP, các PCVP;
- Công TTĐT tỉnh;
- TT Công báo - Tin học (VP UBND tỉnh);
- Lưu: VT, Phòng CTHĐND (QN).

CHỦ TỊCH


Bùi Minh Châu